

Số: 17284/BTC-CST

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2017

V/v chính sách thuế đối với
kinh doanh đồ chơi trẻ em kết
hợp mô hình cafe

Kính gửi: Ông Hoàng Nam

Bộ Tài chính nhận được công văn số 12137/VPCP-DMDN ngày 14/11/2017 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của ông Hoàng Nam về mức thuế suất cần phải đóng khi kinh doanh mặt hàng đồ chơi trẻ em kết hợp với mô hình quán cà phê. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về việc ông Hoàng Nam có phải đăng ký website hay thành lập công ty không?

Nội dung này không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính. Việc cấp phép đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh đã được phân cấp tại địa phương (Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ: ở cấp tỉnh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ở cấp huyện là Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện). Do đó, đề nghị Ông liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa phương để được hướng dẫn cụ thể.

2. Về chính sách thuế, lệ phí đối với kinh doanh mặt hàng đồ chơi trẻ em:

Tùy theo hình thức đăng ký kinh doanh là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh thì chính sách thuế và lệ phí liên quan như sau:

a) Lệ phí môn bài: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài và Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài. Cụ thể như sau:

- Về mức thu: Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP quy định: **“Điều 4. Mức thu lệ phí môn bài**

1. *Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:*

a) *Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 (ba triệu) đồng/năm;*

b) *Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: 2.000.000 (hai triệu) đồng/năm;*

c) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoặc báo số, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 (một triệu) đồng/năm.

2. Lệ phí môn bài đối với cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:

a) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 (một triệu) đồng/năm;

b) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/năm;

c) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng/năm”.

- Về trường hợp được miễn lệ phí môn bài: Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP quy định: Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì được miễn lệ phí môn bài.

b) Về thuế giá trị gia tăng (GTGT): thực hiện theo quy định tại Luật thuế GTGT, Nghị định 209/2013/NĐ-CP, Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 26/2015/TT-BTC và Thông tư số 130/2016/TT-BTC. Cụ thể:

- Điều 4 Luật thuế GTGT quy định “Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).”

- Điều 8 Luật thuế GTGT quy định về các mức thuế suất thuế GTGT 0%, 5% và 10%, trong đó:

+ Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế GTGT.

+ Mức thuế suất 5% áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ trong đó có mặt hàng “Đồ chơi cho trẻ em”.

+ Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT.

- Khoản 1, 2 Điều 10 Luật thuế GTGT quy định về phương pháp khấu trừ thuế GTGT như sau:

“Điều 10. Phương pháp khấu trừ thuế

1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;

b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của

hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này;

c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 của Luật này.

2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

a) Cơ sở kinh doanh có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân kinh doanh;

b) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh”.

- Điểm b khoản 2 Điều 11 Luật thuế GTGT quy định phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng “2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau: b) Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.”

Các quy định này được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định nêu trên:

- Trường hợp ông Hoàng Nam thành lập doanh nghiệp và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thì thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê trò chơi như board games, các loại cờ vua, cờ tướng kết hợp với bán cà phê là 10% và đối với trường hợp bán đồ chơi cho trẻ em theo quy định tại khoản 14 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 5%.

- Trường hợp ông Hoàng Nam thành lập doanh nghiệp và nộp thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc ông Hoàng Nam đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ, cá nhân kinh doanh thì tỷ lệ % thuế GTGT tính trên doanh thu được thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và điểm b, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB) (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Nghị định số 108/2015/NĐ-CP và Thông tư số 195/2015/TT-BTC. Cụ thể:

Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định đối tượng chịu thuế bao gồm:

“... 2. Dịch vụ:

c) *Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot), máy sò-lot (slot) và các loại máy tương tự;*”

Điều 4 Luật thuế TTĐB quy định người nộp thuế quy định “*Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.*”

Trường hợp ông Hoàng Nam kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot), máy sò-lot (slot) và các loại máy tương tự thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB với thuế suất 30%.


d) Thuế thu nhập cá nhân(TNCN) (trường hợp đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ, cá nhân kinh doanh): Nếu kinh doanh dưới hình thức hộ, cá nhân kinh doanh, ông Hoàng Nam thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế TNCN (Luật số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn). Theo đó, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Trong đó: phân phối, cung cấp hàng hoá là 0,5% và hoạt động kinh doanh khác là 1%.

đ) Thuế thu nhập doanh nghiệp(TNDN) (trường hợp thành lập doanh nghiệp): Nếu đăng ký kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế TNDN (Luật số 04/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn). Theo đó thuế TNDN phải nộp bằng (=) thu nhập tính thuế nhân thuế suất 20% (áp dụng từ 01/01/2016). Việc xác định doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn.

e) Thuế nhập khẩu: Hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam thuộc đối tượng nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ thực hiện nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất ưu đãi quy định tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất

khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan. Để xác định thuế suất thuế nhập khẩu cụ thể cần căn cứ theo hàng thực tế nhập khẩu hoặc các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa. Do đó, để biết thuế suất và mã hàng của hàng hóa nhập khẩu, đề nghị ông Hoàng Nam liên hệ với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu để được hướng dẫn phân loại hàng hóa hoặc thực hiện thủ tục xác định trước mã hàng theo quy định tại điều 7 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Về thủ tục hải quan thực hiện theo Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp quản lý thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Trên đây là các quy định chung của pháp luật thuế, lệ phí hiện hành liên quan đến vấn đề ông Hoàng Nam hỏi. Đề nghị Ông Hoàng Nam liên hệ với cơ quan thuế, cơ quan hải quan địa phương (bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ) để được hướng dẫn chi tiết.

Bộ Tài chính có ý kiến trả lời Ông Hoàng Nam được biết và thực hiện. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- TCHQ; ✓
- TCT;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, Vụ CST.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG




Nguyễn Thị Thanh Hằng

09821326